

Số: 16 /2019/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định danh mục, thời gian sử dụng tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình;
Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Khoản 2 Điều 5 và Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT - BTC ngày 07/5/ 2018 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính phần thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long.

2. Các tài sản cố định khác không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính phần thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 3. Quy định danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù

1. Tài sản cố định vô hình

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

b) Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình chi tiết như Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

2. Tài sản cố định đặc thù

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định đặc thù được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

b) Danh mục tài sản cố định đặc thù chi tiết như Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thường xuyên cập nhật và đề xuất với Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc sửa đổi, bổ sung danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản được quy định tại Điều 3 Quyết định này.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 (thực hiện);
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- TT.UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.6.06.02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Trung

PHỤ LỤC 1
QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ
TỶ LỆ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số 16 /2019/QĐ -UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
Loại 1	Quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	25	4
2	Quyền tác giả khác	25	4
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Kiểu dáng công nghiệp	15	6,6
2	Sáng chế	20	5
3	Giải pháp hữu ích	10	10
4	Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	10	10
Loại 3	Phần mềm ứng dụng		
1	Phần mềm dịch vụ công trực tuyến	5	20
2	Phần mềm công thông tin điện tử	5	20
3	Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc	5	20
4	Phần mềm kế toán	5	20
5	Phần mềm quản lý tài sản	5	20
6	Phần mềm quản lý văn bản	5	20
7	Phần mềm cơ sở dữ liệu	5	20
8	Phần mềm tra cứu	5	20
9	Phần mềm quản lý bệnh viện, trường học	5	20
10	Phần mềm quản lý cấp kỹ sư định giá/ cấp giấy phép xây dựng/ phần mềm kết cấu.	5	20
11	Phần mềm thi sát hạch xe A1, A2	5	20
12	Phần mềm hệ thống	5	20
13	Phần mềm nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh	5	20
14	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
Loại 4	Tài sản cố định vô hình khác	5	20

PHỤ LỤC 2

QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số 16 /2019/QĐ -UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

STT	DANH MỤC
Loại 1	Di tích được xếp hạng
1	Di tích cấp quốc gia
2	Di tích cấp tỉnh
Loại 2	Hiện vật trưng bày trong bảo tàng
1	Di vật
2	Cổ vật
3	Bảo vật quốc gia